TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG NINH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 63/2018/QĐST-HNGĐ	*Quảng Ninh, ngày 02 tháng 11 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý 60/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Hồ Thị T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Bản H, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Bị đơn: Anh Hồ H, sinh năm 1973

Địa chỉ: Bản H, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng huyện Q, tỉnh Quảng Bình; Địa chỉ: T 3, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Đại T – chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng huyện Q, tỉnh Quảng Bình. (Theo văn bản ủy quyền số 562/UQ-NHCS ngày 22/10/2018 của Giám đốc Ngân hàng huyện Q).

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hồ Thị T và anh Hồ H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nuôi con chung: chị Hồ Thị T và anh Hồ H đều thống nhất có 03 con chung tên là Hồ Văn Q, sinh ngày 03/6/2001; Hồ Thị Kim T, sinh ngày 06/9/2004; Hồ Thị Kiều D, sinh ngày 24/01/2007.

Hai bên thỏa thuận: Giao cả 03 con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị T cam đoan có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Anh H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

- Về chia tài sản chung: Hai bên thống nhất tài sản chung gồm có: 02 con trâu trị giá 50.000.000 đồng; 07 con bò trị giá 40.000.000 đồng; 01 nhà lớn và 01 nhà bếp trị giá 240.000.000 đồng.

Hai bên thỏa thuận: Giao toàn bộ tài sản trên cho anh Hồ H sở hữu và sử dụng, anh H có trách nhiệm giao lại 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) tiền chênh lệch tài sản chung cho chị Hồ Thị T.

Phương thức trả: Ngày 01/01/2019 trả 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng)*; Ngày 01/4/2019 trả 30.000.000 đồng *(ba mươi triệu đồng)*.

- Về nợ chung: Chị Hồ Thị T và anh Hồ H thống nhất có vay nợ chung 50.000.000 đồng của Ngân hàng huyện Q.

Chị T, anh H và Đại diện Ngân hàng huyện Q là ông Hoàng Đại T thỏa thuận: Anh Hồ H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng huyện Q số nợ gốc 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng)* và lãi phát sinh (nếu có) theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

Chị Hồ Thị T không có trách nhiệm cùng anh Hồ H trả 50.000.000 đồng nợ cho Ngân hàng huyện Q.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi

hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về án phí dân sự: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các đương sự có làm đơn xin miễn án phí do thuộc diện hộ nghèo năm 2018 do UBND xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình quản lý. Do đó miễn toàn bộ án phí ly hôn và án phí chia tài sản cho chị Hồ Thị T và anh Hồ H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- THADS huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Trần Đức Long